

Số/No: 1011/2026/TB-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUSSSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 03/09/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volumn	Weighting
1	VCK	300	0.31%
2	VCB	1,700	3.46%
3	SSB	400	0.23%
4	VPB	15,800	14.87%
5	MBB	14,400	10.26%
6	HCM	1,100	0.97%
7	STB	4,500	11.50%
8	EIB	2,000	1.17%
9	VCI	1,300	1.01%
10	MSB	1,900	0.86%
11	OCB	200	0.07%
12	BID	500	0.62%
13	HDB	9,800	9.22%
14	CTG	2,000	2.16%
15	ACB	7,700	5.90%
16	SSI	9,300	6.72%
17	NAB	100	0.04%
18	TPB	1,800	0.89%
19	SHB	19,200	7.93%
20	VIB	1,500	0.76%
21	TCX	100	0.14%
22	VND	2,000	1.13%
23	TCB	10,500	11.87%

24	VIX	11,400	5.44%
I	Chứng khoán/Stock	2,881,515,000	97.53%
II	Tiền/Cash(VND)	73,042,063	2.47%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,954,557,063	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) **2,881,515,000**

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND) **2,954,557,063**

+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) **73,042,063**

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
<i>No.</i>	<i>Securities code</i>	<i>Substitution cash per share (VND)</i>	<i>Applied to</i>	<i>Reason</i>
1	HCM	26,050	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	SSI	21,350	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VCI	22,850	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	BID	36,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 03/09/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 28/08/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	4.00	-4.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	20,800,000.00	20,800,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	28,610.00	29,600.00	-990.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	602,729,640,859.00	600,226,616,291.00	2,503,024,568.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,954,557,063.00	2,942,287,334.00	12,269,729.00
của 1 CCQ/ per Share	29,545.57	29,422.87	122.70
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,804.97	2,867.24	-62.27

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 02/09/2026/ The criteria #5 is represented by NAV as at 02/09/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 27/08/2026/ The criteria #5 is represented by NAV as at 27/08/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative